

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 359/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1994;

HKTT: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp V, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng X, sinh năm 1987;

HKTT: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp V, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 và 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Hồng X.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Hồng X thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị L và anh X có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 08/02/2015 do chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L và anh X thỏa thuận thống nhất giao cháu N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh X có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định (thời điểm giải quyết $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở là 695.000 đồng), thời gian cấp dưỡng từ ngày 11 tháng 01 năm 2019 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và anh X được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Cẩm L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Hồng X chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị L và anh X thỏa thuận chị L nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng và toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai số 39881 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang nên chị L đã nộp xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trương Thị Cẩm Linh